

LESSON 1. PRONUNCIATION

Pronunciation

Sound Changes

a. "Do you have...?" often sounds like /dʒə hæv/.

PRACTICE

Task 1: Nghe và chú ý phát âm của những từ gạch dưới

- b. Listen. Notice the sound changes of the underlined words.
- Do you have these pants in blue?*
Do you have this jacket in green?

Task 2: Nghe và gạch bỏ câu nào phát âm chưa đúng. Đọc lại cho đúng

- c. Listen and cross out the one with the wrong sound changes.
- Do you have these socks in red?*
Do you have this shirt in pink?
- d. Read the sentences with the correct sound changes to a partner.

Task 3: Thực hành theo cặp

Practice a. Practice the conversation. Swap roles and repeat.

Sales assistant: Hi, can I help you?

Customer: Yes, do you have this shirt in blue?

Sales assistant: Yes, here you are.

Customer: Do you have it in a medium size?

Sales assistant: Yes, here you are.

Customer: Can I try it on?

Sales assistant: Yes, the changing room's over there...

(Later...)

Sales assistant: Is it OK?

Customer: Yes, how much is it?

Sales assistant: It's 20 dollars.

these jeans/this dress black/white

them in a small size/it in an extra large size

them/it

Are they/Is it

are they/is it

They're/It's

b. Practice with your own ideas.

LESSON 2. NEW WORDS

I. NEW WORDS

Order (v) gọi món

Dessert (n) món tráng miệng

Tip (n) tiền bo

Check (n) hóa đơn

Change (n) tiền thối lại

Menu (n) thực đơn

II. Structures

What food do you order in a restaurant? : trong nhà hàng bạn gọi món nào?

→ I often order.....

What do you often have for dessert? Bạn thường ăn món tráng miệng nào?

→ I often have.....

III. Practice

Task 1. Đọc và trả lời câu hỏi: Do they enjoy the meal?. Sau đó, hãy chọn các món mà họ đã gọi trong thực đơn

Reading

a. Ben and Jane are at a new restaurant.
Do they enjoy their meal? Yes/No

b. Now, tick (✓) the things they ordered on the menu.

FOOD	
<input type="checkbox"/>	Vegetable curry \$12.00
<input type="checkbox"/>	Chicken pasta \$13.00
<input type="checkbox"/>	Hamburger \$7.50
<input type="checkbox"/>	Cheese sandwich \$6.00
<input type="checkbox"/>	Fries \$5.50
DRINKS	
<input type="checkbox"/>	Orange juice \$3.00
<input type="checkbox"/>	Cola \$5.00
<input type="checkbox"/>	Coffee \$3.00
DESSERTS	
<input type="checkbox"/>	Ice cream \$9.00
<input type="checkbox"/>	Cheesecake \$10.00
<input type="checkbox"/>	Cupcake \$8.00

Waiter: Would you like to see the menu?

Ben: Yes, please.

Waiter: What would you like to order?

Ben: I'd like some chicken pasta.

Jane: I'd like a hamburger, please.

Waiter: What would you like to drink?

Ben: Do you have any orange juice?

Waiter: Yes, we do.

Ben: I'd like some orange juice, please.

Jane: I'd like a cola.

Waiter: Would you like some dessert?

Ben: Yes. I'd like some ice cream.

Jane: I'd like a cupcake.

(Later...)

Jane: That was a great meal.

Ben: Yes, we should come here again.

Waiter! I'd like the check.

Waiter: Yes, here you are.

Ben: Thanks.

Waiter: Here's your change.

Ben: Thank you. Here's a tip.

Waiter: Thank you very much.

LESSON 2. GRAMMAR

I. COUNTABLE AND UNCOUNTABLE NOUN

(Danh từ đếm được và danh từ không đếm được)

I'd like **a** cookie.
 I'd like **an** apple.
 I'd like **some** milk.
 I'm sorry. We don't have **any** milk left.
 Would you like **some** dessert?
 Do you have **any** chocolate cake?

A/an (1) dùng cho danh từ số ít. An đứng trước các danh từ bắt đầu bằng 1 trong 5 nguyên âm (u e o a i), còn lại sử dụng a.

Ex:book,umbrella,..... engineer

Some/ any: dùng cho danh từ số nhiều đếm được và cả danh từ không đếm được (uncountable nouns). Tuy nhiên, some dùng trong câu khẳng định. Còn any dùng cho câu hỏi và câu phủ định.

Ex: I havewater

She doesn't drinkwater

Does she drink.....water?

II. Practice

Task 1: Điền chỗ trống với a,an, some hay any

b. Fill in the blanks. Use a, an, some, or any.

1. I'd like some chicken pasta.
2. I'd like _____ hamburger.
3. I'd like _____ orange juice.
4. I'd like _____ cheese sandwich.
5. I'd like _____ cola.
6. I'd like _____ egg sandwich.
7. We don't have _____ fries left.



Task 2: Hoàn tất mẫu đối thoại với các gợi ý trong hình. Sau đó tập luyện theo cặp

c. Look at Alice and Nick and complete the dialogue.

Waiter: What would you like to eat?
Nick: I'd like (1) _____ an omelet _____ please.
Alice: And I'd like (2) _____.
Waiter: OK. What would you like to drink?
Nick: (3) _____.
Alice: (4) _____.
(Later...)
Waiter: Would (5) _____?
Nick: I'd like a cupcake, please.
Waiter: I'm sorry. We don't have any cupcakes left.



d. Now, practice the conversation with your partner.